



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.06S.2025.1675>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG CHĂM SÓC TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Lê Văn Thăng¹ và Nguyễn Phạm Tường La Vi Linh^{2*}

¹*Khoa Tâm lý và Giáo dục, Trường Đại học Sư Phạm, Đại học Huế, Việt Nam*

²*Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ: Email: vilinhmamnonhoami@gmail.com.*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 01/10/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 15/10/2025; Ngày duyệt đăng: 23/10/2025

Tóm tắt

Quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc ở trường mầm non có vai trò quan trọng trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, giúp cho trẻ học tập và phát triển trong sự nhất quán giữa nhà trường và gia đình. Qua đó nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, giáo dục trẻ cho phụ huynh, tạo ra mối quan hệ hợp tác bền chặt giữa hai môi trường giáo dục này. Nghiên cứu tập trung khảo sát và đánh giá thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ ở các trường mầm non thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Phương pháp nghiên cứu sử dụng bảng hỏi theo thang đo Likert 5 mức đối với 101 người tham gia gồm cán bộ quản lý và giáo viên; Dữ liệu được xây dựng xử lý thông qua bảng tính Microsoft Excel Data Analysis. Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý nhìn chung đạt mức khá và tốt ở cả bốn chức năng: lập kế hoạch (điểm trung bình chung = 3,94), tổ chức (điểm trung bình chung = 3,78), chỉ đạo (điểm trung bình chung = 3,80) và kiểm tra, đánh giá (điểm trung bình chung = 3,87). Các trường đã có nhiều chuyển biến tích cực trong việc xây dựng kế hoạch phối hợp. Tuy nhiên, kỹ năng giao tiếp, tuyên truyền của đội ngũ, công tác tổ chức chỉ đạo hoạt động phối hợp vẫn còn những hạn chế nhất định. Kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng để đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc giáo dục trẻ trong giai đoạn hiện nay

Từ khóa: *Chăm sóc trẻ, gia đình, hoạt động phối hợp, nhà trường, quản lý.*

Trích dẫn: Lê, V. T., & Nguyễn, P. T. L. V. L. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(06S), 44-54. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.06S.2025.1675>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE CURRENT SITUATION OF MANAGING COORDINATION ACTIVITIES BETWEEN SCHOOLS AND FAMILIES IN CHILDCARE AT PRESCHOOLS IN BINH LONG TOWN, BINH PHUOC PROVINCE

Le Van Thang¹ and Nguyen Pham Tuong La Vi Linh^{2*}

¹Faculty of Psychology and Education, Hue University of Education, Hue University, Vietnam

²Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Email: vilinhmamnonhoami@gmail.com*

Article history

Received: 01/10/2025; Received in revised form: 15/10/2025; Accepted: 23/10/2025

Abstract

The management of coordinated activities between schools and families in childcare at preschools plays a crucial role in fostering a healthy educational environment, enabling children to learn and develop within a consistent framework shared by both school and family. This collaboration also enhances parents' awareness and capacity in childcare and education, thereby establishing a strong and sustainable partnership between the two educational settings. This study focuses on investigating and assessing the current situation of managing these collaborated activities at preschools in Binh Long Town, Binh Phuoc Province. A 5-point Likert scale questionnaire was administered among 101 participants, including school administrators and teachers. Data were processed and analyzed using Microsoft Excel Data Analysis. The results show that overall management performance from fairly good to good levels across four core functions: planning ($M = 3.94$), organizing ($M = 3.78$), directing ($M = 3.80$), and inspecting and evaluating ($M = 3.87$). The schools have made significant progress in developing and implementing coordination plans. However, limitations remain in communication and advocacy skills among staff, as well as in the organization and leadership of coordination activities. The findings provide an important foundation for proposing appropriate management measures to enhance the effectiveness of childcare and education at preschools in the current context.

Keywords: *Childcare, family, coordination activities, manage, school.*

1. Giới thiệu

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành và phát triển nhân cách con người. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ không chỉ là nhiệm vụ của nhà trường mà còn là trách nhiệm chung của gia đình và toàn xã hội. Sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa nhà trường và gia đình có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần đảm bảo cho trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ và kỹ năng xã hội.

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay, giáo dục mầm non ngày càng được quan tâm với vai trò đặt nền móng cho sự phát triển nhân cách, thể chất và trí tuệ của trẻ. Nhận thức rõ điều đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức xã hội trong chăm sóc và giáo dục trẻ.

Cụ thể, Chỉ thị số 71/2008/CT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nhấn mạnh: “Đối với các trường mầm non cần tập trung: trao đổi thông tin thường xuyên giữa nhà trường với gia đình; kết hợp tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em trong trường học... Thường xuyên phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đoàn thể trên địa bàn như y tế, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức có liên quan trong việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, phòng chống tai nạn thương tích, đảm bảo an toàn cho trẻ em” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2008).

Trong Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học cũng quy định rõ nhiệm vụ của tổ chức này là: “Phối hợp với Hiệu trưởng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2011).

Bên cạnh đó, Điều lệ trường mầm non đã xác định một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà trường là: “Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và các tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020).

Đặc biệt, trong năm học 2024–2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo tăng cường phối hợp giữa nhà trường và ngành y tế để đảm bảo an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục mầm non, yêu cầu các trường không thực hiện hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn, đồng thời tăng cường vai trò giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ nhằm đảm bảo chất lượng bữa ăn và an toàn dinh dưỡng cho trẻ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024).

Từ các chỉ đạo trên có thể thấy, việc tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường và gia đình là một trong những yêu cầu then chốt nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non. Tuy nhiên, trên thực tế, công tác phối hợp này ở nhiều địa phương vẫn còn hạn chế: hoạt động chưa thường xuyên, thiếu tính hệ thống; hình thức phối hợp còn đơn điệu; vai trò chủ động của phụ huynh và năng lực điều phối của đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV) chưa được phát huy đầy đủ. Do đó, quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trở thành yếu tố quyết định hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ trong các cơ sở mầm non.

Theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT về ban hành Chương trình giáo dục mầm non, hoạt động chăm sóc trẻ bao gồm các nội dung trọng tâm như chăm sóc dinh dưỡng, giấc ngủ, vệ sinh, sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Đồng thời, Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025 cũng xác định rõ: “Tăng cường sự

tham gia của gia đình và xã hội” là một trong những giải pháp chủ đạo trong phát triển giáo dục mầm non (Thủ tướng Chính phủ, 2018).

Trong Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ tiếp tục khẳng định mục tiêu “Phân đầu có 99,5% trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được nâng cao, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị vào học lớp 1. (Thủ tướng Chính phủ, 2024).

Để hiện thực hóa mục tiêu này, việc tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ được xem là một trong những yếu tố then chốt, góp phần cho các cơ sở giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non toàn diện và bền vững.

Trong bối cảnh hiện nay, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, là một địa bàn có vị trí chiến lược về kinh tế – xã hội của khu vực. Nhờ phát triển kinh tế ổn định, thu nhập bình quân đầu người cao hơn mức trung bình của tỉnh, giáo dục nói chung và giáo dục mầm non nói riêng được quan tâm đầu tư mạnh mẽ. Trong những năm gần đây, giáo dục mầm non Bình Long đã đạt nhiều kết quả tích cực: tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 50%, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt trên 93%.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi đó, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ vẫn còn không ít khó khăn. Sự phát triển kinh tế - xã hội kéo theo áp lực công việc khiến nhiều phụ huynh thiếu thời gian đồng hành cùng con và nhà trường. Nhiều gia đình còn hạn chế trong kiến thức nuôi dạy trẻ khoa học, dẫn đến thiếu sự thống nhất trong phương pháp chăm sóc, giáo dục giữa gia đình và nhà trường.

Trước thực tiễn đó, việc nghiên cứu toàn diện về thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ mầm non là hết sức cần thiết, nhằm cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non. Xuất phát từ yêu cầu này, bài báo tập trung khảo sát và phân tích thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ tại các trường mầm non trên địa bàn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, qua đó chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân, đồng thời cung cấp căn cứ thực tiễn cho việc xây dựng các biện pháp quản lý phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng

- Nhằm phân tích, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ tại các trường mầm non trên địa bàn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, chúng tôi đã tiến hành khảo sát ý kiến của 101 người. Bao gồm: 13 CBQL là Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; 88 GV của 07 trường mầm non tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước (gồm: Trường Mầm non Hòa Mi, Trường Mầm non Thanh Lương, Trường Mầm non Thanh Phú, Trường Mầm non Vành Khuyên, Trường Mầm non Hoa Hồng, Trường Mầm non Sơn Ca, Trường Mầm non Hoa Mai).

- Các nội dung khảo sát gồm: (1) Nhận thức về tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ ở các trường mầm non; (2) Lập kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ ở các trường mầm non; (3) Tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ ở các trường mầm non; (4) Chỉ đạo thực hiện hoạt động phối hợp giữa

nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ ở các trường mầm non; (5) Kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ ở các trường mầm non; (6) Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ ở các trường mầm non.

- Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi theo thang đo Likert 5 mức độ, từ 1 đến 5. Các số liệu thu được sẽ được xử lý thông qua bảng tính Microsoft Excel Data Analysis để tính ĐTB, độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp hạng thứ bậc (TB). (Nguyễn & Phạm, 2013). Công thức tính ĐTB của yếu tố = $\frac{5A+4B+3C+2D+E}{N}$

Khoảng cách giữa các mức độ được tính theo công thức $[(\max - \min) : 5] = (5 - 1) : 5 = 0,8$. Theo đó, quy ước đánh giá các mức độ đánh giá của từng yếu tố dựa vào giá trị ĐTB như sau:

Mức 1: $1,00 < \text{ĐTB} < 1,80$: Không bao giờ/ yếu kém/ không quan trọng.

Mức 2: $1,80 \leq \text{ĐTB} \leq 2,60$: Hiếm khi/ trung bình/ ít quan trọng.

Mức 3: $2,60 < \text{ĐTB} \leq 3,40$: Thỉnh thoảng/ khá/ bình thường.

Mức 4: $3,40 < \text{ĐTB} \leq 4,20$: Thường xuyên/ tốt/ quan trọng.

Mức 5: $4,20 < \text{ĐTB} \leq 5,00$: Rất thường xuyên/ rất tốt/rất quan trọng.

2.2. Thực trạng quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ ở các trường mầm non trên địa bàn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

2.2.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ ở các trường mầm non

Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về tầm quan trọng của quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	TB
1	Sự hợp tác với cha mẹ trẻ tạo nên nguồn lực vật chất và tinh thần với trường mầm non góp phần nâng cao chất lượng giáo dục	4,13	0,67	2
2	Phối hợp thường xuyên, liên tục giữa nhà trường và gia đình thì sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp, tạo nên sự thống nhất và liên tục	4,15	0,67	1
3	Nhà trường và gia đình phối hợp chăm sóc để tạo điều kiện cho trẻ được phát triển toàn diện thể chất lẫn tinh thần	4,15	0,68	1
4	Công tác phối hợp giữa gia đình và nhà trường có tác động đến cách nhìn nhận của toàn xã hội đến công tác chăm sóc trẻ mầm non	4,13	0,61	2
ĐTB chung		4,14		

Với bốn nội dung khảo sát về nhận thức của đội ngũ CBQL, GV về quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ, nhưng thứ bậc xếp hạng chỉ có hai mức: mức 1 và mức 2 và ĐTB khá cao 4,15, ĐLC thấp (0,61-0,68) cho thấy CBQL và GV ở các trường trên địa bàn có sự đồng thuận cao trong nhận thức, đánh giá rất cao vai trò của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ mầm non, chính từ nhận thức tốt về vai trò của sự phối hợp sẽ là tiền tảng vững chắc cho việc thực hiện các bước tiếp theo trong hoạt động phối hợp giữa gia đình và nhà trường.

2.2.2. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ ở các trường mầm non

Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện và kết quả thực hiện việc xây dựng kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Khảo sát tình hình thực tế hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ của trường	4,35	0,76	1	4,07	0,61	3
2	Xác định mục tiêu phối hợp chăm sóc	3,98	0,50	2	4,13	0,66	1
3	Xây dựng nội dung phối hợp chăm sóc	3,89	0,71	5	4,13	0,6	1
4	Lựa chọn các biện pháp phù hợp	3,85	0,62	8	4,07	0,68	3
5	Tiếp nhận ý kiến đóng góp từ hội đồng nhà trường	3,87	0,70	7	4	0,77	5
6	Xây dựng kế hoạch cụ thể (năm, học kì, tháng, tuần)	3,91	0,76	4	4,09	0,71	2
7	Thông qua kế hoạch trong toàn hội đồng sư phạm nhà trường	3,94	0,64	3	4,06	0,69	4
8	Xác định nguồn lực cho hoạt động phối hợp chăm sóc	3,82	0,63	9	4,09	0,7	2
9	Chỉnh sửa, hoàn thiện kế hoạch	3,88	0,63	6	4,07	0,68	3
ĐTB chung		3,94			4,07		

Kết quả khảo sát Bảng 2 cho thấy các trường học trên địa bàn đang làm rất tốt một số bước trong quy trình lập kế hoạch phối hợp trong đó nổi bật nhất là nội dung “xác định mục tiêu phối hợp chăm sóc” với ĐTB = 3,98, hạng 1 (mức độ thực hiện), ĐTB = 4,13, hạng 2 (kết quả thực hiện) và nội dung “khảo sát tình hình thực tế hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ của trường” có ĐTB = 4,35, hạng 1 (mức độ thực hiện), ĐTB = 4,07, hạng 3 (kết quả thực hiện). Tiếp đến là nội dung “thông qua kế hoạch trong toàn hội đồng sư phạm nhà trường” ĐTB = 3,94, hạng 3 (mức độ thực hiện) ĐTB= 4,06, hạng 4 (kết quả thực hiện). Nội dung có điểm thấp nhất là nội dung “xác định nguồn lực cho hoạt động phối hợp chăm sóc” ĐTB= 3,82, hạng 9 (mức độ thực hiện) ĐTB= 4,09, hạng 2. Đặc biệt là “tiếp nhận ý kiến đóng góp từ hội đồng trường” ĐTB = 3,87, hạng 7 (mức độ thực hiện), ĐTB = 4, hạng 5 (kết quả thực hiện). Đây là những khâu đóng vai trò nền tảng trong việc bảo đảm tính thực tiễn và khả thi của kế hoạch, nhưng lại chưa được thực hiện đầy đủ hoặc còn mang tính hình thức. Như vậy mặc dù có thực hiện xây dựng kế hoạch với đủ các bước nhưng vẫn phải có các biện pháp nâng cao chất lượng kế hoạch phối hợp.

2.2.3. *Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ ở các trường mầm non*

Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Phổ biến kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ	4,14	0,85	1	4,11	0,66	1
2	Lựa chọn GV có kinh nghiệm, khả năng tham gia hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ	3,78	0,59	3	3,99	0,79	2
3	Tổ chức phân công nhiệm vụ phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ cho các thành viên trong trường	3,85	0,68	2	3,96	0,81	3
4	Tổ chức các chuyên đề thảo luận, trao đổi kinh nghiệm trong hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ	3,63	0,67	4	3,96	0,88	3
ĐTB chung		3,78			4,00		

Kết quả khảo sát ở Bảng 3 đã phản ánh sự quan tâm và nỗ lực triển khai của nhà trường trong việc tổ chức, hướng dẫn và phân công nhiệm vụ phối hợp chăm sóc trẻ. Một số nội dung có sự đồng bộ về mức độ thực hiện và kết quả thực hiện như nội dung “phổ biến, kế hoạch hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ” hạng 1 với ĐTB = 4,14 (mức độ thực hiện) ĐTB = 4.11(kết quả thực hiện). Tiếp đến là nội dung “tổ chức, phân công nhiệm vụ phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ cho các thành viên trong nhà trường” có ĐTB = 3,85 hạng 2. “Lựa chọn GV có kinh nghiệm, khả năng tham gia hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ” ĐTB = 3,78, hạng 3, nhìn chung thì các trường tổ chức thực hiện nội dung này khá đều tay. Bên cạnh đó, việc tổ chức các chuyên đề, thảo luận, trao đổi kinh nghiệm trong hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ cũng chưa được chú trọng kết quả khảo sát ở mức khá với ĐTB = 3.63, hạng 4, đây cũng là một trong các nguyên nhân góp phần làm giảm hiệu quả phối hợp.

2.2.4. *Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ ở các trường mầm non*

Bảng 4. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Hướng dẫn cách thức tổ chức hoạt động phối hợp cho GV và từng bộ phận về chăm sóc trẻ	3,83	0,69	2	3,99	0,80	3

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
2	Duyệt kế hoạch, chương trình hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ của GV và từng bộ phận	3,87	0,67	1	4,06	0,9	1
3	Phân bổ kinh phí cho hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ	3,71	0,60	4	4,01	0,69	2
4	Phân công người phụ trách, giám sát	3,82	0,63	3	3,94	0,78	4
ĐTB chung		3,80			4,00		

Nhìn chung, qua kết quả khảo sát ở Bảng 4, mức độ thực hiện chỉ đạo về công tác quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ các nội dung đều đạt mức điểm khá trở lên (ĐTB chung 3,8) nội dung “duyet kế hoạch, chương trình hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ của GV và từng bộ phận” ĐTB=3,87, hạng 1 (mức độ thực hiện) ĐTB = 4,06, hạng 1 (kết quả thực hiện). “Hướng dẫn cách thức tổ chức hoạt động phối hợp cho GV và từng bộ phận về chăm sóc trẻ” ĐTB = 3,83, hạng 2 (mức độ thực hiện) ĐTB =3,99, hạng 3 (kết quả thực hiện). Sự đồng thuận cho thấy nhà trường đã thực hiện tốt việc thông tin, truyền đạt kế hoạch một cách rõ ràng đến các bên liên quan, tạo nền tảng cho sự đồng thuận và phối hợp hiệu quả.

Ngoài ra, thực trạng khảo sát còn cho thấy một số mâu thuẫn trong công tác tổ chức, chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ như: “Phân bổ kinh phí cho hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ” mặc dù ở mức trung bình khá ĐTB= 3,71, hạng 4 (mức độ thực hiện) nhưng kết quả thực hiện lại khá cao ĐTB = 4,01, hạng 2 điều đó cho thấy mặc dù nguồn lực được phân bổ có thể chưa tối ưu nhưng cách sử dụng nguồn lực này lại rất hiệu quả. Kinh phí đã được chi tiêu đúng mục đích và mang lại lợi ích rõ rệt cho hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ. Có thể lý giải rằng, sự phối hợp trong chăm sóc trẻ đã được thực hiện một cách sáng tạo và linh hoạt, giúp nâng cao chất lượng phối hợp mặc dù nguồn lực còn hạn chế.

2.2.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ ở trường mầm non

Bảng 5. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá	4,25	0,80	1	4,05	0,66	3
2	Xây dựng nội dung tiêu chí kiểm tra, đánh giá	3,94	0,67	3	4,03	0,68	4
3	Xác định nội dung kiểm tra hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ	3,73	0,63	9	4,07	0,73	2
4	Xác định hình thức biện pháp kiểm tra hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ	3,77	0,61	8	4,01	0,71	7

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Kết quả thực hiện		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
5	Đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình qua đánh giá của cấp trên và các lực lượng xã hội	3,87	0,65	4	4,05	0,65	3
6	Tổ chức thu thập thông tin phục vụ đánh giá	3,80	0,60	6	4,09	0,67	1
7	Theo dõi, giám sát trực tiếp hoạt động phối hợp về chăm sóc trẻ	3,81	0,64	5	4,02	0,74	5
8	Đánh giá hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ theo kế hoạch	3,91	0,60	2	4,07	0,70	2
9	Đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình thông qua kết quả chăm sóc của GV	3,80	0,60	6	4,02	0,72	6
10	Tổng kết, rút kinh nghiệm cho từng giai đoạn để kịp thời điều chỉnh cho giai đoạn tiếp theo	3,78	0,54	7	4,09	0,74	1
11	Phân công lực lượng kiểm tra hoạt động phối hợp chăm sóc	3,91	0,58	2	3,98	0,78	8
12	Tổng hợp kết quả đánh giá, đưa ra nhận xét, chỉ ra những mặt làm được, hạn chế và nguyên nhân	3,87	0,57	4	3,97	0,81	9
ĐTB chung		3,87			4,00		

Từ kết quả khảo sát Bảng 5, CBQL và GV về kiểm tra, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ ở một số trường mầm non tại xã Bình Long, tỉnh Bình Phước được với 12 nội dung cơ bản cho thấy việc kiểm tra đánh giá hoạt động phối hợp được quan tâm thực hiện kết quả khảo sát đều được đánh giá mức khá đến tốt với ĐTB chung 3,87, xét về mức độ thực hiện ta thấy nổi bật là nội dung “xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá” được đánh giá rất tốt có ĐTB = 4,25, hạng 1, tiếp đến là nội dung “đánh giá hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ theo kế hoạch” và “phân công lực lượng kiểm tra hoạt động phối hợp chăm sóc” cùng xếp hạng 2 với ĐTB = 3,91. Xây dựng nội dung tiêu chí kiểm tra, đánh giá ĐTB = 3,94, hạng 3. Thể hiện sự chuẩn bị kỹ lưỡng về kế hoạch và nguồn lực. Các nội dung “Đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình qua đánh giá của cấp trên và các lực lượng xã hội”, “Theo dõi, giám sát trực tiếp hoạt động phối hợp về chăm sóc trẻ”, “Đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình thông qua kết quả chăm sóc của GV” cũng được đánh giá ở mức khá và tốt ĐTB dao động từ 3,78 đến 3,87. Ngược lại hai nội dung đánh giá thấp nhất là “Xác định nội dung kiểm tra hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ” ĐTB = 3,73, hạng 9, “Xác định hình thức biện pháp kiểm tra hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ” được đánh giá ở mức thấp nhất với ĐTB = 3,77, hạng 8 cho thấy cần tăng cường chuẩn hóa cụ thể các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm tra đánh giá.

2.2.6. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác chăm sóc trẻ ở các trường mầm non

Bảng 6. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về bảo đảm các điều kiện hoạt động phối hợp giáo dục giữa nhà trường và gia đình

TT	Các điều kiện	ĐTB	ĐLC	TB
Các yếu tố chủ quan				
1	Về lãnh đạo, quản lý nhà trường	4,14	0,69	1
2	Về phía lực lượng GV	4,05	0,61	2
3	Cơ sở vật chất, trang thiết bị	4,03	0,68	3
Các yếu tố khách quan				
1	Chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sở, phòng Giáo dục và Đào tạo hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ	4,07	0,68	1
2	Điều kiện kinh tế gia đình và của địa phương	3,96	0,72	2
3	Điều kiện văn hóa xã hội của địa phương	3,91	0,70	3
ĐTB chung		4,02		

Kết quả khảo sát ở Bảng 6 về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan đến công tác quản lý hoạt động phối hợp giáo dục giữa nhà trường và gia đình cho trẻ mầm non, mẫu giáo của nhóm đối tượng CBQL, GV cho ta thấy yếu tố được đánh giá có mức độ ảnh hưởng cao nhất đến hoạt động phối hợp với gia đình và nhà trường là lãnh đạo, quản lý nhà trường, với ĐTB đạt 4,14 và xếp hạng thứ nhất trong thang điểm chuẩn. Điều này phản ánh vai trò then chốt của đội ngũ lãnh đạo trong việc định hướng tổ chức và điều hành các hoạt động phối hợp trong nhà trường. Bên cạnh đó, 2 yếu tố “lực lượng GV” và “cơ sở trang thiết bị” lần lượt đạt ĐTB là 4,05 và 4,03 đều được đánh giá ở mức ảnh hưởng.

Kết quả khảo sát thực trạng sự tác động của yếu tố khách quan với quản lý hoạt động phối hợp giáo dục giữa nhà trường và gia đình trên bảng 6 cho thấy các văn bản pháp pháp lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các công văn chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình đây là sự định hướng, là các căn cứ để các hoạt động phối hợp đi theo đúng hướng, phù hợp tình hình thực tế, đạt hiệu quả cao. Kế đến là các yếu tố điều kiện kinh tế gia đình và của địa phương, điều kiện văn hóa xã hội của địa phương lần lượt có các ĐTB 3,96 và 3,91, hai yếu tố này đều được đánh giá ở mức ảnh hưởng

2.3. Đánh giá chung của thực trạng

- Ưu điểm: Phần lớn CBQL, GV đã có nhận thức rõ ràng về vị trí, vai trò cũng như ý nghĩa quan trọng và tính cần thiết của việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ. Trong đó nhiều CBQL đã chủ động phát huy tốt vai trò của mình, thực hiện đầy đủ các chức năng quản lý như xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá hoạt động phối hợp. Nhờ đó, quá trình phối hợp giữa hai bên đã ghi nhận những chuyển biến tích cực và dần đi vào ổn định.

- Hạn chế: GV chưa được bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng tổ chức, phổ biến, tuyên truyền với cha mẹ trẻ nên khả năng tham gia hoạt động phối hợp chăm sóc trẻ còn hạn chế. Việc thực hiện nhiệm vụ trong công tác phối hợp của đội ngũ GV còn thiếu tính thường xuyên; công tác kiểm tra, đánh giá việc tổ chức và khai thác các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa được triển khai đồng bộ. Hoạt động tham mưu với lãnh đạo

nhà trường trong quản lý công tác phối hợp cũng chưa được chú trọng, dẫn đến sự tham gia của cha mẹ trẻ còn hạn chế. Bên cạnh đó, một số CBQL vẫn còn biểu hiện chủ quan, chưa có sự chỉ đạo cụ thể và thiếu kiểm tra, giám sát thường xuyên, khiến mối liên kết giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường chưa thật sự chặt chẽ và hiệu quả.

- Nguyên nhân của các hạn chế: công tác bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp ứng xử, tuyên truyền cho GV chưa thực hiện thường xuyên, chuyên sâu. Các hình thức phối hợp mang tính thuận tiện, tính rập khuôn thiếu linh hoạt, mối liên hệ giữa GV và cha mẹ học sinh chưa được duy trì thường xuyên, thiếu các hoạt động thiết thực để tăng cường sự gắn kết giữa hai bên. Vai trò định hướng của nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch phối hợp, thống nhất mục tiêu, nội dung và biện pháp giáo dục vẫn chưa được phát huy đúng mức. Một số CBQL giáo dục còn chưa thể hiện rõ vai trò chỉ đạo, điều hành trong việc tổ chức và quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Tiếp đến về phía gia đình chưa thống nhất với nhà trường về quan điểm và phương pháp giáo dục, gây khó khăn cho GV trong việc rèn luyện kỹ năng, hình thành thói quen cho trẻ

3. Kết luận

Qua khảo sát và phân tích thực trạng quản lý động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ tại các trường mầm non trên địa bàn thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Kết quả khảo sát cho thấy, hoạt động phối hợp đã được quan tâm triển khai và đạt được một số kết quả tích cực, đặc biệt là trong việc nhận thức tầm quan trọng của phối hợp với gia đình, xây dựng mục tiêu phối hợp, xây dựng kế hoạch, nội dung chăm sóc phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như: Có thực hiện xây dựng kế hoạch, nội dung, hình thức kiểm tra, đánh giá trong sự phối hợp nhưng chưa phân định trách nhiệm rõ ràng cho mỗi cá nhân, trong quá trình tổ chức còn tùy tiện, xây dựng tiêu chí kiểm tra đánh giá hiệu quả phối hợp chưa rõ ràng; cơ chế phối hợp chưa linh hoạt, thiếu sự hỗ trợ về phương tiện, điều kiện tổ chức thực hiện. Từ những nội dung nghiên cứu nêu trên là cơ sở dữ liệu khoa học có giá trị tham khảo cao là cơ sở vững chắc để các cơ sở giáo dục mầm non nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, nhằm thực hiện tốt quản lý hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc trẻ.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008). *Chỉ thị 71/2008/CT-BGDĐT* ngày 23/12/2008 về tăng cường phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục trẻ em, học sinh, sinh viên.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011). *Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT* ngày 22/11/2011 về ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020) *Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT* ngày 31/12/2020 về ban hành Điều lệ trường mầm non
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT* ngày 13/4/2021 về ban hành Chương trình giáo dục mầm non.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024) *Công văn số 4868/BGDĐT- GDMN* ngày 29/8/2024 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non.
- Nguyễn, V. Đ., & Phạm, M. H. (2013). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Thủ tướng Chính phủ. (2024). *Quyết định số 1705/QĐ-TTg* ngày 31/12/2024, phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.